

## Các yếu tố tác động đến quyền quyết định của phụ nữ trong chi tiêu gia đình

**Trần Thị Thanh Loan**  
Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

**Tóm tắt:** Dựa trên nguồn số liệu của đề tài “Khảo sát về sức khỏe, mối quan hệ gia đình và cuộc sống của người phụ nữ” do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện năm 2012 tại bảy tỉnh/thành phố trên cả nước, bài viết phân tích các yếu tố tác động đến quyền quyết định của người phụ nữ với các khoản chi tiêu trong gia đình, sử dụng phương pháp phân tích hồi quy đa biến. Kết quả cho thấy: phụ nữ làm việc phi nông nghiệp có nhiều khả năng là người quyết định chủ yếu việc chi tiêu lớn trong gia đình hơn so với nhóm phụ nữ thuần nông; phụ nữ có đóng góp thu nhập bằng chồng có nhiều khả năng được quyết định các khoản chi tiêu hơn phụ nữ có đóng góp thu nhập thấp hơn chồng; phụ nữ thành thị có nhiều khả năng quyết định các khoản chi tiêu trong gia đình hơn phụ nữ nông thôn.

**Từ khóa:** Gia đình; Chi tiêu gia đình; Quyền quyết định; Phụ nữ.

### 1. Đặt vấn đề

Quyền quyết định là chỉ báo quan trọng đánh giá địa vị, vai trò của phụ nữ trong gia đình. Trong đó, quyền quyết định của phụ nữ về các khoản chi

tiêu có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với việc nhận định về khả năng kiểm soát nguồn lực kinh tế của gia đình mà còn là cơ sở để đánh giá cơ hội thu hưởng các phúc lợi gia đình của phụ nữ.

Dựa trên nguồn số liệu của đề tài “Khảo sát về sức khỏe, mối quan hệ gia đình và cuộc sống của người phụ nữ” năm 2012 do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện trên 1.053 phụ nữ tại bảy tỉnh, thành, bao gồm Hà Nội, Lạng Sơn, Đà Nẵng, Đắc Lắc, Bình Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Bến Tre, bài viết nhằm tìm hiểu các yếu tố tác động đến quyền quyết định của người phụ nữ với các khoản chi tiêu trong gia đình, sử dụng phương pháp phân tích hồi quy đa biến.

## **2. Tổng quan các nghiên cứu về quyền quyết định của phụ nữ trong chi tiêu gia đình**

Theo một số nghiên cứu, khuôn mẫu chung về quyền quyết định trong chi tiêu gia đình là phụ nữ tham gia quyết định nhiều hơn việc chi tiêu hàng ngày của gia đình còn với việc mua sắm tài sản đắt tiền, hai vợ chồng cùng tham gia quyết định nhiều hơn (Đỗ Thị Bình, 2001; Nguyễn Linh Khiếu, 2002; Phạm Thị Huệ, 2007; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng các cơ quan khác, 2008; Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh, 2008; Vũ Mạnh Lợi và các tác giả khác, 2013).

Nhìn chung, không có nhiều nghiên cứu phân tích các yếu tố tác động tới quyền quyết định chi tiêu nhỏ của vợ và chồng. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương Hoa (2007) cho thấy tỷ lệ người vợ quyết định chi tiêu hàng ngày trong gia đình không có ngân sách chung cao hơn trong gia đình có ngân sách chung (Nguyễn Thị Phương Hoa, 2007).

Về quyền quyết định việc chi tiêu lớn trong gia đình, các nghiên cứu đã tìm hiểu sự khác biệt về mức độ quyết định của phụ nữ trong tương quan với người chồng theo các yếu tố: khu vực sinh sống, mức sống gia đình, trình độ học vấn, mức đóng góp kinh tế của người vợ - người chồng, loại hình sản xuất của gia đình qua những phân tích tương quan hai biến. Kết quả cho thấy, về khu vực sinh sống, sự tham gia của phụ nữ vào các quyết định chi tiêu lớn của gia đình ở thành thị cao hơn ở nông thôn. Xu hướng cả vợ và chồng quyết định việc mua sắm đồ đạc đắt tiền ở khu vực thành thị chiếm tỷ lệ cao hơn nông thôn, trung du – miền núi (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan khác, 2008; Nguyễn Linh Khiếu, 2002). Một số tác giả cho rằng học vấn và nghề nghiệp của phụ nữ cùng với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh ở thành thị đã có tác động rõ rệt đến quyền ra quyết định của phụ nữ trong gia đình (Trần Thị Vân Anh,

Nguyễn Hữu Minh, 2008).

Phân loại theo loại hình sản xuất của gia đình, ở các gia đình có hoạt động trồng trọt là chính, tỷ lệ “chồng quyết định nhiều hơn” cao hơn nhiều so với tỷ lệ “vợ quyết định nhiều hơn” trong các khoản chi tiêu lớn. Tiếng nói của phụ nữ trong việc ra quyết định thể hiện rõ hơn ở nhóm làm phi nông nghiệp và ít hơn ở nhóm gia đình làm sản xuất nông nghiệp (Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh, 2008).

Về tác động của mức sống gia đình, vai trò của người chồng trong nhóm hộ nghèo có vị trí cao hơn so với nhóm hộ giàu. Tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng quyết định của nhóm hộ nghèo thấp hơn nhóm hộ giàu (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2008).

Mức độ đóng góp kinh tế cho gia đình cũng có ảnh hưởng đáng kể đến quyền quyết định các khoản chi tiêu trong gia đình. Quyền quyết định của người vợ/chồng trong mua sắm đồ đạc đắt tiền tăng khi mức đóng góp kinh tế của họ tăng. Tuy nhiên, mức độ tăng quyền quyết định của người chồng và người vợ là khác nhau: quyền quyết định của người vợ tăng nhiều hơn so với quyền quyết định của người chồng (Phạm Thị Huệ, 2007).

Học vấn thấp làm giảm khả năng quyết định các khoản chi tiêu lớn của phụ nữ. Học vấn của phụ nữ nông thôn càng cao thì việc cùng quyết định mua sắm tài sản có giá trị giữa hai vợ chồng càng dân chủ (Trần Thị Kim, 2003). Tác giả cho rằng học vấn của người phụ nữ sẽ là những tác nhân góp phần làm thay đổi vai trò, vị thế của họ trong gia đình. Một nghiên cứu khác cũng cho thấy khoảng cách lớn nhất trong quyền quyết định giữa vợ và chồng trong mua sắm đồ đạc đắt tiền là ở nhóm người vợ và người chồng mù chữ, còn ở các nhóm học vấn khác không có khác biệt. Người chồng không biết chữ chiếm tỷ lệ cao là người quyết định chính việc mua sắm đồ đạc đắt tiền trong khi tỷ lệ người vợ quyết định chính khoản chi tiêu này ở nhóm không biết chữ thấp (Phạm Thị Huệ, 2007).

Về độ tuổi, người chồng ở nhóm tuổi trẻ (dưới 30) và ở nhóm tuổi già (trên 60) có quyền quyết định mua sắm đồ đạc đắt tiền nhiều hơn so với các nhóm tuổi khác. Trong khi đó, quyền quyết định của người vợ tăng lên theo độ tuổi nhưng mức tăng không đáng kể (Phạm Thị Huệ, 2007).

Về yếu tố dân tộc, không có khác biệt đáng kể liên quan đến quyền quyết định của người chồng dân tộc Kinh và người chồng thuộc các dân tộc khác cũng như người vợ dân tộc Kinh và người vợ thuộc các dân tộc khác trong mua sắm đồ đạc đắt tiền (Phạm Thị Huệ, 2007).

Nhìn chung, các nghiên cứu chỉ ra rằng phụ nữ giữ vai trò chủ yếu trong các quyết định chi tiêu nhỏ nhưng còn hạn chế trong quyết định các khoản chi tiêu lớn. Mức độ tham gia của phụ nữ vào việc quyết định chi tiêu lớn có sự khác biệt giữa các nhóm phụ nữ khác nhau về trình độ học vấn, mức độ đóng góp kinh tế cho gia đình, giữa những nhóm gia đình khác nhau về loại hình công việc, khu vực sinh sống. Tuy nhiên, cơ sở để đưa ra những kết luận này mới chỉ dựa trên phương pháp phân tích hai biến.

### **3. Các biến số được sử dụng để phân tích trong nghiên cứu này**

(1) **Biến số phụ thuộc** được xây dựng dựa trên câu hỏi về người quyết định cuối cùng khoản chi tiêu lớn (mua sắm tài sản đắt tiền) và khoản chi tiêu nhỏ (chi tiêu hàng ngày). Câu hỏi cụ thể như sau: “Trong gia đình chị, ai thường có tiếng nói quyết định với những việc sau: chi tiêu vật trong gia đình/chi tiêu vào việc lớn trong gia đình” với các phương án trả lời: người trả lời, chồng/bạn trai, người trả lời và chồng/bạn trai, chồng/bạn trai và người khác, người trả lời và người khác.

Biến số phụ thuộc “Vợ chủ yếu/thường là người quyết định chi tiêu nhỏ/chi tiêu lớn” được tạo với các phương án trả lời: 1 - Có (gồm các phương án “người trả lời” và “người trả lời và người khác”), 0 - Không (gồm các phương án “chồng/bạn trai”, “người trả lời và chồng/bạn trai”, “chồng/bạn trai và người khác”).

(2) **Biến số độc lập** bao gồm việc làm của người phụ nữ, trình độ học vấn của người phụ nữ/người chồng, mức đóng góp thu nhập của người phụ nữ (so với chồng), việc làm của người chồng, mức sống gia đình<sup>(1)</sup>, khu vực sinh sống, sống chung với bố mẹ chồng/người thân, số năm kết hôn/sống chung, quan điểm giới<sup>(2)</sup>, tỉnh (Hà Nội, Lạng Sơn, Đà Nẵng, Bình Định, Đắc Lắc, Thành phố Hồ Chí Minh, Bến Tre).

### **4. Kết quả phân tích**

#### **4.1. Thực trạng quyền quyết định của vợ và chồng với các khoản chi tiêu của gia đình**

Kết quả phân tích chỉ ra rằng phụ nữ chủ yếu là người quyết định các khoản chi tiêu nhỏ trong gia đình với trên 90% phụ nữ thừa nhận về điều này (xem Bảng 1).

So với các khoản chi tiêu nhỏ, quyền quyết định của phụ nữ đối với các khoản chi tiêu lớn hạn chế hơn nhiều trong mối tương quan với nam giới.

**Bảng 1. Mức độ quyết định của người phụ nữ với khoản chi tiêu lớn, nhỏ trong gia đình (%)**

Mức độ quyết định của người phụ nữ với các khoản chi tiêu	Người quyết định chủ yếu		
	Vợ	Chồng	Cả hai
Chi tiêu nhỏ	90,5	3,9	5,6
Chi tiêu lớn	26,6	44,5	29,0

Khoảng 50% phụ nữ của các gia đình trong mẫu nghiên cứu có tiếng nói đối với các khoản chi tiêu lớn trong gia đình. Trong đó, khoảng 30% phụ nữ có quyền quyết định ngang bằng với người chồng và khoảng 20% phụ nữ có quyền quyết định chủ yếu khoản chi tiêu này (xem Bảng 1).

Nhằm làm rõ hơn mức độ tham gia của phụ nữ với các quyết định chi tiêu của gia đình, dựa trên câu hỏi “Trong gia đình chị, ai thường có tiếng nói quyết định với các công việc sau: chi tiêu vặt trong gia đình/chi tiêu vào việc lớn?” tác giả đã xây dựng tám khuôn mẫu sau: (1) Vợ chủ yếu quyết định cả hai việc chi tiêu; (2) Chồng chủ yếu quyết định chi tiêu lớn, vợ chủ yếu quyết định chi tiêu nhỏ; (3) Chồng chủ yếu quyết định cả hai việc chi tiêu; (4) Cả hai quyết định chi tiêu lớn, chồng chủ yếu quyết định chi tiêu nhỏ; (5) Cả hai quyết định chi tiêu lớn, vợ chủ yếu quyết định chi tiêu nhỏ; (6) Vợ chủ yếu quyết định chi tiêu lớn, cả hai quyết định chi tiêu nhỏ; (7) Cả hai cùng quyết định chi tiêu lớn nhỏ; (8) Chồng chủ yếu quyết định chi tiêu lớn, cả hai quyết định chi tiêu nhỏ. Kết quả cho thấy ba khuôn mẫu phổ biến trong các gia đình hiện nay là: (1) Cả hai vợ chồng

**Bảng 2. Sự tham gia quyết định của vợ và chồng  
trong các công việc chi tiêu của gia đình theo các khuôn mẫu (%)**

Các khuôn mẫu tham gia quyết định hai việc chi tiêu trong gia đình	Tỉ lệ (%)
Vợ chủ yếu quyết định cả hai việc chi tiêu	26,5
Chồng chủ yếu quyết định chi tiêu lớn, vợ chủ yếu quyết định chi tiêu nhỏ	24,7
Chồng chủ yếu quyết định cả hai việc chi tiêu	3,6
Cả hai quyết định chi tiêu lớn, chồng chủ yếu quyết định chi tiêu nhỏ	0,2
Cả hai quyết định chi tiêu lớn, vợ chủ yếu quyết định chi tiêu nhỏ	39,5
Cả hai cùng quyết định chi tiêu lớn nhỏ	4,8
Vợ chủ yếu quyết định chi tiêu lớn, cả hai quyết định chi tiêu nhỏ	0,1
Chồng chủ yếu quyết định chi tiêu lớn, cả hai quyết định chi tiêu nhỏ	0,7

cùng quyết định chi tiêu lớn, vợ chủ yếu quyết định chi tiêu nhỏ (24,7%); (2) Chồng chủ yếu quyết định chi tiêu lớn, vợ chủ yếu quyết định chi tiêu nhỏ (39,5%); và (3) Vợ chủ yếu quyết định cả hai khoản chi tiêu (26,5%) (xem Bảng 2).

Nhằm tìm hiểu sự tác động của các yếu tố tới quyền quyết định của phụ nữ trong chi tiêu gia đình, trong các phân tích tiếp theo, tác giả sử dụng phương pháp phân tích hồi quy đa biến. Mỗi biến số phụ thuộc được phân tích với năm mô hình hồi quy với hệ các biến số độc lập khác nhau, cụ thể:

- Mô hình 1 phân tích mối quan hệ của biến số độc lập “việc làm/hoạt động kinh tế chính của người phụ nữ” với biến số phụ thuộc.

- Mô hình 2 bổ sung thêm các biến số: trình độ học vấn của người phụ nữ, mức đóng góp thu nhập của người phụ nữ (so với người chồng); trình độ học vấn của người chồng.

- Mô hình 3 tiếp tục bổ sung thêm các biến số: mức sống gia đình, khu vực sinh sống.

- Mô hình 4 tiếp tục bổ sung thêm các biến số: việc làm/hoạt động kinh tế chính của người chồng, sống chung với bố mẹ/người thân bên nhà chồng, số năm kết hôn/sống chung, tỉnh.

- Mô hình 5 tiếp tục bổ sung thêm biến số quan điểm giới.

Vì đại đa số phụ nữ là người quyết định chi tiêu nhỏ nên tác giả sẽ không đi tìm hiểu các yếu tố tác động tới quyền quyết định chi tiêu nhỏ của phụ nữ trong gia đình. Bài viết tập trung tìm hiểu các yếu tố tác động đến sự tham gia của phụ nữ với các khoản chi tiêu lớn ở các khuôn mẫu sau: (1) Vợ quyết định chủ yếu chi tiêu lớn của gia đình; (2) Chồng chủ yếu quyết định chi tiêu lớn, vợ chủ yếu quyết định chi tiêu nhỏ; và (3) Cả hai quyết định chi tiêu lớn, vợ chủ yếu quyết định chi tiêu nhỏ.

#### **4.2. Các yếu tố tác động đến quyền quyết định của phụ nữ về các khoản chi tiêu trong gia đình**

*Khuôn mẫu 1: Vợ chủ yếu quyết định việc chi tiêu lớn trong gia đình*

Theo cách xây dựng mô hình đa biến đã mô tả ở trên, kết quả hồi quy đa biến về sự tác động của các yếu tố đến quyền quyết định chủ yếu của phụ nữ vào các việc chi tiêu lớn của gia đình (xem Bảng 3<sup>(3)</sup>) cho thấy yếu tố công việc của người vợ có sự tác động chặt chẽ với khả năng họ là người quyết định chủ yếu việc chi tiêu lớn trong gia đình. Sự tác động của các yếu tố: mức sống, công việc của chồng, sống cùng bố mẹ chồng, số năm

Bảng 3. Các yếu tố tác động tới khuôn mẫu  
 “vợ chủ yếu quyết định việc chi tiêu lớn trong gia đình”

Biến số độc lập	Tí số chênh lệch (Odds Ratios)				
	Mô hình 1	Mô hình 2	Mô hình 3	Mô hình 4	Mô hình 5
<b>Công việc của vợ</b>					
Không lương - Nông nghiệp (SS)	1	1	1	1	<b>238</b>
Không lương - Phi nông nghiệp	1,2	2,2***	2,4***	2,3***	<b>278</b>
Được hưởng lương	1,8***	2,8***	1,8**	2,1**	<b>182</b>
<b>Học vấn người vợ</b>					
Trung cấp nghề trở lên (SS)	1	1	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>127</b>
Trung học phổ thông	1,2	1,2	<b>1,1</b>	<b>1,0</b>	<b>147</b>
Trung học cơ sở	1,9*	1,9*	<b>1,9*</b>	<b>1,6</b>	<b>217</b>
Tiểu học trở xuống	1,4	1,4	<b>1,6</b>	<b>1,5</b>	<b>207</b>
<b>Học vấn người chồng</b>					
Trung cấp nghề trở lên (SS)	1	1	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>143</b>
Trung học phổ thông	1,2	1,4	<b>1,1</b>	<b>1,1</b>	<b>142</b>
Trung học cơ sở	1,2	1,2	<b>1,2</b>	<b>1,3</b>	<b>216</b>
Tiểu học trở xuống	1,4	1,3	<b>1,3</b>	<b>1,3</b>	<b>197</b>
<b>Thu nhập giữa vợ/chồng</b>					
Hai vợ/chồng thu nhập bằng nhau (SS)	1	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>126</b>
Vợ thu nhập nhiều hơn	0,8	0,8	0,9	0,8	<b>207</b>
Chồng thu nhập nhiều hơn	0,6*	0,6*	0,6	0,6*	<b>365</b>
<b>Mức sống</b>					
Nghèo (SS)	1	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>256</b>
Trung bình	0,8	0,9	0,8	0,8	<b>256</b>
Khá	0,7	0,7	0,7	0,7	<b>186</b>
<b>Khu vực sinh sống</b>					
Thành thị (SS)	1	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>316</b>
Nông thôn	0,7*	0,7*	0,6*	0,6*	<b>382</b>
<b>Công việc của chồng</b>					
Nông nghiệp (SS)	1	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>161</b>
Phi nông nghiệp	0,7	0,7	0,7	0,7	<b>185</b>
Được hưởng lương	0,8	0,8	0,8	0,8	<b>352</b>
<b>Sống chung cùng bố mẹ chồng/ người thân</b>					
Không (SS)	1	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>522</b>
Có	1,02	1,0	1,0	1,0	<b>176</b>
<b>Số năm kết hôn/sống chung</b>					
(Khoảng cách 10 năm)	1,1	1,1	1,1	1,1	
<b>Tỉnh</b>					
Hà Nội (SS)	1	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>98</b>
Bến Tre	0,9	0,9	0,9	0,9	<b>97</b>
Lạng Sơn	1,4	1,5	1,5	1,5	<b>114</b>
Đắc Lắc	1,4	1,4	1,4	1,4	<b>100</b>
Đà Nẵng	1,7	1,7	1,7	1,7	<b>102</b>
Bình Định	1,1	1,1	1,1	1,1	<b>96</b>
HCM	2,6***	2,8***	2,8***	2,8***	<b>91</b>
<b>Người chồng cầm đầu hiện ai là chủ trong gia đình</b>					
Không đồng ý (SS)				<b>1</b>	<b>389</b>
Đồng ý				0,2***	<b>309</b>
<b>R</b>	<b>0,021</b>	<b>0,06</b>	<b>0,07</b>	<b>0,10</b>	<b>0,10</b>
Mức ý nghĩa thống kê: * P<0,1    ** P<0,05    *** P<0,01					

kết hôn/sống chung, không mang ý nghĩa thống kê.

Sự đóng góp thu nhập giữa vợ và chồng không thể hiện mối liên hệ chặt chẽ với quyền quyết định trong những khoản chi tiêu lớn của người vợ. Những gia đình có chồng đóng góp thu nhập cao hơn vợ thì khả năng vợ là người quyết định chủ yếu việc chi tiêu lớn trong gia đình chỉ bằng 0,6 lần so với những người vợ ở gia đình hai vợ chồng đóng góp thu nhập bằng nhau.

Khu vực sinh sống có sự tác động đáng kể đến khả năng được quyết định chủ yếu việc chi tiêu lớn của phụ nữ. So với phụ nữ sống ở thành thị, khả năng được quyết định chủ yếu việc chi tiêu lớn của phụ nữ ở nông thôn đều thấp hơn ở cả ba mô hình 3, 4 và 5.

So với nhóm phụ nữ không đồng ý với quan điểm “Người chồng cần thể hiện cho vợ biết ai là chủ trong gia đình”, khả năng là người quyết định chủ yếu việc chi tiêu lớn trong gia đình của nhóm phụ nữ đồng ý với quan điểm trên giảm chỉ bằng 0,2 lần.

Khả năng là người quyết định chính việc chi tiêu lớn trong gia đình ở nhóm phụ nữ sống ở thành phố Hồ Chí Minh cao hơn 2,8 lần so nhóm phụ nữ sống ở Hà Nội.

#### *Khuôn mẫu 2: Vợ quyết định cả hai việc chi tiêu*

Kết quả phân tích cho thấy công việc của phụ nữ có tác động chặt chẽ với việc thực hiện khuôn mẫu “vợ quyết định cả hai chi tiêu”. Các yếu tố mức sống, công việc của chồng, sống cùng với bố mẹ chồng và số năm kết hôn/sống chung không thể hiện mối liên hệ chặt chẽ với việc thực hiện khuôn mẫu này (Bảng 4).

Không có bằng chứng có ý nghĩa thống kê để khẳng định yếu tố sự đóng góp thu nhập của vợ và chồng có ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện khuôn mẫu “vợ quyết định cả hai chi tiêu” ở mô hình 4. Mô hình 2, 3, 5 chỉ thể hiện được rằng khi chồng đóng góp thu nhập cao hơn vợ thì khả năng thực hiện khuôn mẫu này thấp hơn khi hai vợ chồng có đóng góp thu nhập ngang nhau.

Khu vực sinh sống đã thể hiện được mối liên hệ mang ý nghĩa thống kê đối với việc thực hiện khuôn mẫu này ở 2 mô hình 3 và 5. So với nhóm gia đình sống ở khu vực thành thị, khả năng “vợ quyết định cả hai chi tiêu” ở nhóm gia đình sống ở khu vực nông thôn giảm chỉ còn 0,7 lần. So với nhóm gia đình sống ở Hà Nội, khả năng “vợ quyết định cả hai chi tiêu” ở nhóm gia đình sống ở thành phố Hồ Chí Minh tăng 2,7 lần.

**62 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 26, số 6, tr. 54-67**

**Bảng 4. Các yếu tố tác động tới khuôn mẫu  
“vợ chủ yếu quyết định cả hai việc chi tiêu”**

Biến số độc lập	Tỉ số chênh lệch (Odds Ratios)					Số lượng mô hình 5
	Mô hình 1	Mô hình 2	Mô hình 3	Mô hình 4	Mô hình 5	
<b>Công việc của vợ</b>						
Không hưởng - Nông nghiệp (SS)	1	1	1	1	1	238
Không hưởng - Phi nông nghiệp	1,8***	2,8***	2,3***	2,1**	2,2**	278
Được hưởng hưởng	1,2	2,2***	1,8**	2,3***	2,0*	182
<b>Học vấn người vợ</b>						
Trung cấp nghề trên lên (SS)	1	1	1	1	1	127
Trung học phổ thông	1,2	1,2	1,1	1,0	1,0	147
Trung học cơ sở	1,8*	1,9*	1,9**	1,6	217	
Tiểu học trở xuống	1,4	1,4	1,7	1,5	207	
<b>Học vấn người chồng</b>						
Trung cấp nghề trên lên (SS)	1	1	1	1	1	143
Trung học phổ thông	1,2	1,2	1,1	1,1	1,1	142
Trung học cơ sở	1,2	1,2	1,2	1,3	216	
Tiểu học trở xuống	1,3	1,2	1,2	1,3	197	
<b>Thu nhập giữa vợ/chồng</b>						
Hai vợ chồng thu nhập bằng nhau (SS)	1	1	1	1	1	126
Vợ thu nhập nhiều hơn	0,8	0,8	0,9	0,8	207	
Chồng thu nhập nhiều hơn	0,6*	0,6*	0,6	0,6*	365	
<b>Mức sống</b>						
Nghèo (SS)	1	1	1	1	256	
Trung bình	0,8	0,8	0,8	0,8	256	
Khá	0,7	0,7	0,7	0,7	186	
<b>Khu vực sinh sống</b>						
Thành thị (SS)	1	1	1	1	316	
Nông thôn	0,7*	0,7	0,7	0,7*	382	
<b>Công việc của chồng</b>						
Nông nghiệp (SS)	1	1	1	1	161	
Phi nông nghiệp	0,7	0,7	0,7	0,7	185	
Được hưởng hưởng	0,8	0,8	0,8	0,8	352	
<b>Sóng chung cùng bố mẹ chồng/ người thân</b>						
Không(SS)	1	1	1	1	522	
Có	1,0	1,0	1,0	1,0	176	
<b>Số năm kết hôn/sóng chung (Khoảng cách 10 năm)</b>						
Tỉnh						
Hà Nội (SS)	1	1	1	1	98	
Bến Tre	0,9	0,9	0,9	0,9	97	
Lạng Sơn	1,4	1,4	1,5	1,5	114	
Đắc Lắc	1,4	1,4	1,3	1,3	100	
Dà Nẵng	1,7	1,7	1,8	1,8	102	
Bình Định	1,1	1,1	1,1	1,1	96	
Tp.HCM	2,5***	2,7***	2,7***	2,7***	91	
<b>Người chồng cầm thẻ hiện ai là chủ trong gia đình</b>						
Không đồng ý (SS)				1	389	
Đồng ý				0,2***	309	
<b>R</b>	<b>0,021</b>	<b>0,057</b>	<b>0,067</b>	<b>0,096</b>	<b>0,098</b>	<b>698</b>

Mức ý nghĩa thống kê: \* P<0,1    \*\* P<0,05    \*\*\* P<0,01

Trên góc độ giới, khả năng thực hiện khuôn mẫu này ở nhóm gia đình mà phụ nữ đồng ý với quan điểm “Người chồng cần thể hiện cho vợ biết ai là chủ trong gia đình” giảm chỉ còn 0,2 lần so với nhóm gia đình mà phụ nữ không đồng ý với quan điểm trên.

*Khuôn mẫu 3: Hai vợ chồng cùng quyết định chi tiêu lớn, vợ chủ yếu quyết định chi tiêu nhỏ*

Ở khuôn mẫu này, kết quả phân tích chỉ ra rằng các yếu tố: loại hình công việc của người vợ và người chồng, sống chung với bố mẹ/người thân bên chồng, mức sống gia đình, trình độ học vấn của người chồng, mức độ thu nhập của vợ và chồng không có tác động đáng kể đến khuôn mẫu đang được đề cập (xem Bảng 5).

Trình độ học vấn của người vợ có ảnh hưởng nhất định đến quyền quyết định vợ chồng theo khuôn mẫu trên. Trong gia đình người vợ có trình độ học vấn ở mức trung học cơ sở, khả năng quyền quyết định của vợ chồng theo khuôn mẫu này chỉ bằng 0,5 lần so với nhóm người vợ có học vấn trung cấp nghề trở lên.

Theo khu vực sinh sống, người dân khu vực nông thôn có xác suất ứng xử theo khuôn mẫu “hai vợ chồng cùng quyết định chi tiêu lớn, vợ chủ yếu quyết định chi tiêu nhỏ” cao hơn 1,5 lần so với khu vực thành thị. So sánh với kết quả các mô hình hồi quy yếu tố tác động tới khuôn mẫu “vợ chủ yếu là người quyết định cả hai khoản chi tiêu” có thể thấy, sở dĩ khuôn mẫu hai vợ chồng bình đẳng trong quyết định chi tiêu lớn và vợ là người quyết định chủ yếu các chi tiêu nhỏ phổ biến hơn ở khu vực nông thôn bởi ở khu vực thành thị khuôn mẫu “vợ chủ yếu quyết định cả hai khoản chi tiêu” phổ biến hơn ở khu vực nông thôn.

Kết quả phân tích mô hình này còn cho thấy quan điểm giới có tác động đáng kể đến khuôn mẫu quyền quyết định các khoản chi tiêu trong gia đình. Những gia đình mà người trả lời đồng ý với nhận định “Người chồng cần thể hiện ai là chủ trong gia đình” có khả năng ứng xử theo khuôn mẫu “hai vợ chồng cùng quyết định chi tiêu lớn, vợ chủ yếu quyết định chi tiêu nhỏ” chỉ bằng 0,7 lần so với những gia đình không đồng ý. Nghĩa là việc không đồng ý với quan điểm giới truyền thống này sẽ tăng khả năng có được ứng xử bình đẳng trong quyền quyết định vợ chồng với các khoản chi tiêu.

Nhìn chung, kết quả phân tích các yếu tố tác động tới khuôn mẫu “hai vợ chồng cùng quyết định chi tiêu lớn, vợ chủ yếu quyết định chi tiêu nhỏ” đã chỉ ra rằng nâng cao trình độ học vấn cho phụ nữ có vai trò quan trọng

**Bảng 5. Các yếu tố tác động tới khuôn mẫu “hai vợ chồng cùng quyết định chi tiêu lớn, vợ chủ yếu quyết định chi tiêu nhỏ”**

<b>Biến số độc lập</b>	<b>Tỉ số chênh lệch (Odds Ratios)</b>				
	Mô hình 1	Mô hình 2	Mô hình 3	Mô hình 4	Mô hình 5
<b>Công việc của vợ</b>					
Không lương - Nông nghiệp (SS)	1	1	1	1	1
Không lương - Phi nông nghiệp	1,2	1,2	1,6**	1,6**	1,5
Được hưởng lương	1,1	0,9	1,2	1,1	1,1
<b>Học vấn người vợ</b>					
Trung cấp nghề trở lên (SS)	1	1	1	1	1
Trung học phổ thông	0,8	0,8	0,8	0,9	
Trung học cơ sở	0,5***	0,4***	0,5***	0,5**	
Tiểu học trở xuống	0,7	0,6	0,5*	0,6	
<b>Học vấn người chồng</b>					
Trung cấp nghề trở lên (SS)	1	1	1	1	
Trung học phổ thông	0,8	0,7	0,8	0,7	
Trung học cơ sở	1,1	1,1	1,1	1,0	
Tiểu học trở xuống	1,0	0,9	0,9	1,0	
<b>Thu nhập giữa vợ/chồng</b>					
Hai vợ chồng thu nhập bằng nhau (SS)	1	1	1	1	
Vợ thu nhập nhiều hơn	1,1	1,1	0,9	1,0	
Chồng thu nhập nhiều hơn	1,1	1,1	1,0	1,0	
<b>Mức sống</b>					
Nghèo (SS)		1	1	1	
Trung bình		1,2	1,3	1,2	
Khá		1,0	1,2	1,2	
<b>Khu vực sinh sống</b>					
Thành thị (SS)		1	1	1	
Nông thôn		1,5**	1,5**	1,5*	
<b>Công việc của chồng</b>					
Nông nghiệp (SS)		1	1	1	
Phi nông nghiệp			1,2	1,2	
Được hưởng lương			1,0	1,0	
<b>Sống chung cùng bố mẹ chồng/người thân</b>					
Không (SS)			1	1	
Có			0,9	0,9	
<b>Số năm kết hôn/sóng chung</b>					
(Khoảng cách 10 năm)			1,0	0,9	
<b>Tỉnh</b>					
Hà Nội (SS)			1	1	
Lạng Sơn			0,7	0,7	
Đắc Lắc			0,9	0,9	
Đà Nẵng			0,7	0,7	
Bình Định			1,6	1,5	
Tp.HCM			0,9	0,9	
Bến Tre			1,4	1,5	
<b>Người chồng cầm đầu hiện ai là chủ trong gia đình</b>					
Không đồng ý (SS)				1	
Đồng ý				0,7**	
<b>R</b>	<b>0,003</b>	<b>0,031</b>	<b>0,040</b>	<b>0,064</b>	<b>0,068</b>

Mức ý nghĩa thống kê: \* P<0,1    \*\* P<0,05    \*\*\* P<0,01

trong việc đảm bảo quyền bình đẳng của phụ nữ trong các quyết định chi tiêu của gia đình trong mối tương quan với nam giới. Những chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục, bởi vậy, là rất cần thiết.

## 5. Kết luận

Tóm lại, quyền lực của phụ nữ với các khoản chi tiêu của gia đình vẫn hạn chế so với nam giới. Đại đa số phụ nữ nắm quyền chủ yếu trong quyết định chi tiêu nhỏ trong khi phần lớn nam giới nắm quyền trong quyết định chi tiêu lớn. Điều đó cho thấy những hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới vẫn rất cần thiết nhằm đảm bảo quyền của phụ nữ nói chung và quyền của phụ nữ trong các quyết định chi tiêu lớn của gia đình nói riêng.

Loại hình công việc của phụ nữ có mối liên hệ khá chặt chẽ với quyền quyết định chi tiêu của họ. Nhóm những phụ nữ làm việc phi nông nghiệp có khả năng là người quyết định chủ yếu việc chi tiêu lớn trong gia đình cao hơn nhóm phụ nữ thuần nông.

Mối quan hệ giữa trình độ học vấn, việc sống chung với bố mẹ chồng/người thân và số năm kết hôn/sống chung với quyền quyết định chi tiêu của phụ nữ chưa được thể hiện trong cuộc nghiên cứu này.

Mức đóng góp thu nhập giữa vợ và chồng có tác động tới quyền quyết định chi tiêu của phụ nữ. Phụ nữ có đóng góp thu nhập bằng chồng có khả năng được quyết định các khoản chi tiêu cao hơn những phụ nữ có đóng góp thu nhập thấp hơn thu nhập của chồng.

Quan điểm giới có những ảnh hưởng nhất định tới quyền quyết định của phụ nữ với các khoản chi tiêu trong gia đình. Khả năng là người quyết định các khoản chi tiêu trong gia đình của nhóm người vợ ủng hộ quan điểm “người chồng cần thể hiện cho vợ biết ai là chủ trong gia đình” thấp hơn so với nhóm người vợ không đồng tình với quan điểm này.

Phụ nữ thành thị có nhiều khả năng quyết định các khoản chi tiêu trong gia đình hơn phụ nữ nông thôn. ■

## Chú thích

<sup>(1)</sup> **Biến mức sống** được xây dựng dựa trên các biến số loại nhà, phòng ngủ, trang thiết bị trong gia đình. Thang đo mức sống gồm:

(1) **Khá**=nhà kiên cố + ba phòng ngủ trở lên + có ít nhất một trong bốn thiết bị hiện đại trong sổ tủ lạnh, máy vi tính, ô tô, điều hòa, lò vi sóng, máy giặt/=nhà kiên cố + một đến hai phòng ngủ và nhà bán kiên cố + ba phòng ngủ và có bốn

## 66 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 26, số 6, tr. 54-67

thiết bị hiện đại trở lên;

(2) **Trung bình** = nhà kiên cố + một đến hai phòng ngủ và nhà bán kiên cố + ba phòng ngủ và có ít nhất một trong bốn thiết bị hiện đại=/nhà bán kiên cố + một đến hai phòng ngủ và có bốn thiết bị hiện đại trở lên;

(3) **Nghèo** = nhà bán kiên cố + một đến hai phòng ngủ và có dưới bốn thiết bị hiện đại.

<sup>(2)</sup> Được đánh giá qua việc đồng ý hay không đồng ý của người trả lời với nhận định “Người chồng cần thể hiện cho vợ biết ai là chủ trong gia đình”.

<sup>(3)</sup> Trong bảng này, tác giả đưa ra kết quả của 5 mô hình. Số liệu báo cáo trong bảng 3 ứng với các phân loại của mỗi biến số là tỉ số chênh lệch giữa các đặc trưng đó đến quyền quyết định chi tiêu lớn của người phụ nữ so với tác động của loại đặc trưng dùng để so sánh. Tỉ số cho loại dùng để so sánh luôn nhận giá trị bằng 1. Nếu tỉ số chênh lệch của một loại đặc trưng nào đó lớn hơn 1, điều đó có nghĩa là nhóm phụ nữ mang đặc trưng đó có nhiều khả năng quyết định việc chi tiêu lớn trong gia đình hơn các nhóm phụ nữ mang đặc trưng dùng để so sánh. Ngược lại, nếu tỉ số chênh lệch cho loại mang đặc trưng nào đó nhỏ hơn 1 thì nhóm phụ nữ mang đặc trưng đó có ít khả năng quyết định việc chi tiêu lớn trong gia đình hơn nhóm phụ nữ mang loại đặc trưng dùng để so sánh. Tỉ số chênh lệch của một loại đặc trưng nào đó càng lớn hơn 1 thì tác động của đặc trưng đó đến quyền quyết định chi tiêu lớn của người phụ nữ càng lớn hơn so với tác động của loại đặc trưng dùng để so sánh. Các dấu sao (\*, \*\*, \*\*\*) ghi bên cạnh tỉ số chênh lệch cho thấy tác động của loại đặc trưng này có ý nghĩa về mặt thống kê hay không. Tỉ số càng kèm nhiều dấu sao thì tác động càng quan trọng. Tỉ số không kèm dấu sao có ý nghĩa là không có bằng chứng để khẳng định rằng tác động của loại đặc trưng đang xét là có ý nghĩa về mặt thống kê.

### Tài liệu trích dẫn

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc. 2008. *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam năm 2006*.

Nguyễn Linh Khiếu. 2002. “Vị thế của phụ nữ trong một số vấn đề gia đình”. *Tạp chí Xã hội học*, số 4.

Nguyễn Thị Phương Hoa. 2007. “Mô hình quản lý tiền trong gia đình – Một số vấn đề đặt ra qua nghiên cứu trường hợp tại Lộc Hòa, Nam Định”. *Tạp chí Tâm lý học*, số 2.

Phạm Thị Huệ. 2007. “Quyền lực của vợ chồng trong gia đình nông thôn Việt Nam”. Kỷ yếu khoa học “Tuyển tập các bài viết phân tích kết quả khảo sát chung”. Chương trình hợp tác nghiên cứu Việt Nam – Thụy Điển. H.: NXB Khoa học Xã hội.

Trần Thị Kim. 2003. “Ảnh hưởng của học vấn đến sự tham gia và quyền ra quyết

định của phụ nữ nông thôn tỉnh Quảng Ngãi trong thiết chế gia đình: qua nghiên cứu 3 xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi". *Tạp chí Xã hội học*, số 1.

Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh. 2008. *Bình đẳng giới ở Việt Nam*. H.: NXB Khoa học Xã hội.

Vũ Mạnh Lợi, Trịnh Thị Quang, Nguyễn Hồng Thái, Nguyễn Khánh Bích Trâm, Đặng Vũ Hoa Thạch. 2013. "Phân công lao động và quyền quyết định trong gia đình nông thôn đồng bằng Bắc bộ". *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 1.